

STT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh - <i>QT Kinh doanh tổng hợp</i> - <i>QT Doanh nghiệp</i> - <i>QT Khởi nghiệp</i> - <i>QT hàng không</i>	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa)
2	Kinh doanh quốc tế - <i>Kinh doanh quốc tế</i> - <i>Ngoại thương</i> - <i>Kinh tế số và kinh doanh điện tử</i>	7340120	
3	Marketing - <i>Quản trị marketing</i> - <i>Quản trị thương hiệu</i> - <i>Digital marketing</i>	7340115	
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
5	Luật - <i>Luật dân sự</i> - <i>Luật hành chính</i> - <i>Luật hình sự</i>	7380101	
6	Luật kinh tế - <i>Luật thương mại</i> - <i>Luật kinh doanh</i> - <i>Luật tài chính ngân hàng</i>	7380107	
7	Luật quốc tế - <i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	7380108	

	- Luật thương mại quốc tế		
8	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh bán lẻ	7340121	
9	Quản trị nhân lực - Đào tạo và phát triển - Tuyển dụng	7340404	
10	Quản trị văn phòng (*)	7340406	
11	Kinh tế quốc tế (*)	7310106	
12	Quản trị khách sạn	7810201	
13	Quản trị dv du lịch và lữ hành	7810103	
14	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị nhà hàng - Bar - Quản trị ẩm thực	7810202	
15	Bất động sản	7340116	
16	Quan hệ công chúng - Tổ chức sự kiện - Truyền thông báo chí	7320108	
17	Công nghệ truyền thông - Sản xuất sản phẩm truyền thông - Kinh doanh sản phẩm truyền thông	7320106	
18	Quảng cáo - Quản trị quảng cáo - Quảng cáo số	7320110	
19	Quản trị sự kiện (*)	7340412	
20	Truyền thông đa phương tiện (*)	7320104	

21	Tài chính - Ngân hàng - <i>Ngân hàng</i> - <i>Tài chính doanh nghiệp</i> - <i>Bảo hiểm</i>	7340201	
22	Kế toán - <i>Kế toán công</i> - <i>Kế toán doanh nghiệp</i>	7340301	
23	Công nghệ tài chính (*)	7340208	
24	Kiểm toán (*)	7340302	
25	Tài chính quốc tế	7340206	
26	Thương mại điện tử - <i>Giải pháp thương mại điện tử</i> - <i>Kinh doanh trực tuyến</i> - <i>Marketing trực tuyến</i>	7340122	
27	Thiết kế đồ họa - <i>Thiết kế marketing – quảng cáo</i> - <i>Thiết kế nhận diện thương hiệu</i> - <i>Thiết kế giao diện tương tác</i> - <i>Thiết kế đồ họa chuyển động</i>	7210403	
28	Công nghệ thông tin - <i>Công nghệ phần mềm</i> - <i>Mạng máy tính</i> - <i>An toàn thông tin</i> - <i>Hệ thống thông tin</i> - <i>Trí tuệ nhân tạo</i>	7480201	
29	Khoa học dữ liệu - <i>Phân tích dữ liệu trong kinh tế - kinh doanh</i>	7480109	

	- Phân tích dữ liệu trong tài chính - Phân tích dữ liệu trong marketing - Phân tích dữ liệu lớn		
30	Quan hệ quốc tế - Nghiệp vụ đối ngoại - Nghiệp vụ báo chí quốc tế - Chính trị quốc tế - Phát triển bền vững	7310206	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
31	Ngôn ngữ Anh - Kinh tế - Quản trị - Thương mại - Tiếng Anh truyền thông - Ngôn ngữ - Văn hóa – Biên dịch - Giảng dạy tiếng Anh	7220201	
32	Ngôn ngữ Nhật (**) - Biên phiên dịch tiếng Nhật - Văn hóa du lịch Nhật Bản - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy Tiếng Nhật	7220209	
33	Ngôn ngữ Hàn Quốc - Biên phiên dịch tiếng Hàn - Văn hóa du lịch Hàn Quốc - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Hàn	7220210	
34	Ngôn ngữ Trung Quốc - Biên - phiên dịch Tiếng Trung - Văn hóa du lịch Trung Quốc - Kinh tế - Thương mại	7220204	
35	Tâm lý học	7310401	D01 (Toán, Văn, Anh)

	- Tham vấn tâm lý - Tâm lý học nhân sự và truyền thông		C00 (Văn, Sử, Địa) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
(**) Ngành Ngôn ngữ Nhật, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nhật thay cho tiếng Anh để xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 (*) Ngành dự kiến 2022			